

Bản án số: 88/2017/HSST
Ngày 23/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phong;

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Diễn, ông Hoàng Đăng Đán.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt, Thư ký Tòa án;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G: Bà Nguyễn Thị Lâm, Kiểm sát viên.

Ngày 23/11/2017, tại Tòa án huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 86/2017/HSST ngày 17/10/2017 đối với bị cáo:

Lê Quang C, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh; học phổ thông 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lê Văn Q và bà Bùi Thị B, đều sinh năm 1968; gia đình có 02 anh em, bị cáo thứ 2; vợ Hà Thị T, sinh năm 1990; có 02 con sinh năm 2013 và 2017; không tiền án, tiền sự; bị cáo bị bắt tạm giam trong vụ án này từ ngày 03/11/2017 đến nay, có mặt.

Người bị hại: Ông Vũ Đình G, sinh năm 1963; trú tại: Thôn S, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1976; trú tại: Thị trấn T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh, vắng mặt;

2. Anh Nguyễn Công H, sinh năm 1966; trú tại: Thị trấn T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh, vắng mặt;

3. Anh Vũ Đình B, sinh năm 1984; trú tại: Thị trấn G, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Viện kiểm sát huyện G truy tố bị cáo về hành vi sau:

Khoảng tháng 02/2017, bị cáo Lê Quang C muốn có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, nên bị cáo đã nảy sinh ý định lừa đảo nhằm chiếm đoạt xe ô tô của

người khác, bằng hình thức đi thuê xe ô tô lấy giấy tờ xe làm giả mang tên mình rồi đem bán lấy tiền. Để thực hiện ý định đó, bị cáo thuê xe ô tô Innova biển số 99A - 106.60 của ông Vũ Đình G (đăng ký xe mang tên Vũ Đình B, con trai ông G); sau khi thuê được xe bị cáo dùng giấy tờ giả mang tên bị cáo đã làm trước đó, rồi đem bán xe ô tô trên cho ông Nguyễn Văn L được 300 triệu đồng để trả nợ và chi tiêu cá nhân.

Ngày 23/03/2017, Hội đồng định giá đã định giá chiếc xe ô tô bị cáo chiếm đoạt được của người bị hại trị giá 273 triệu đồng.

Kết luận giám định số: 72 ngày 14/6/2017, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Ninh kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 010052, biển số 99A - 106.06, ghi tên chủ xe Lê Quang C là giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

Cáo trạng số: 78/CTr-VKS, ngày 11/10/2017 của Viện kiểm sát huyện G truy tố bị cáo Lê Quang C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai:

Khoảng tháng 2/2017, bị cáo đã nhiều lần thuê xe ô tô của ông Vũ Đình G để đi lại, khi thuê xe ông G giao cho bị cáo giấy tờ xe phôi tô và đăng kiểm xe. Sau vài lần thuê bị cáo nảy sinh ý định làm giả giấy tờ, để mang chiếc xe trên đi bán lấy tiền tiêu. Qua mạng Internet bị cáo biết và đặt với anh Lương Văn C, sinh năm 1993; trú tại: Số 1, ngõ A phường P, Quận B, thành phố Hà Nội làm giả 02 hai giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 99A-106.60 mang tên bị cáo và 01 giấy chứng nhận đăng kiểm với giá 08 triệu đồng. Sau đó khoảng 03 ngày thì Lương Văn C làm xong giấy tờ theo yêu cầu của bị cáo và điện thoại cho bị cáo đến lấy. Bị cáo đi cùng Trần Văn P, sinh năm 1992; trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh và Nguyễn Phi H đến Hà Nội lấy giấy tờ xe; khi đi bị cáo không nói cho Trần Văn P và Nguyễn Phi H biết, bị cáo nhờ C làm giả giấy tờ xe; đến điểm hẹn bị cáo đi bộ một mình đến gặp C nhận giấy tờ xe giả và trả C nốt 06 triệu đồng (trước đó bị cáo đã chuyển cho C 2 triệu đồng). Khi lấy được giấy tờ về đến nhà nghỉ bị cáo bỏ ra Nguyễn Phi H có biết, nhưng bị cáo không nói cho Nguyễn Phi H biết giấy tờ đó mục đích để làm gì và Nguyễn Phi H cũng không hỏi gì.

Ngày 08/02/2017, bị cáo mang giấy số giấy tờ giả trên đến nhà anh Nguyễn Đức H1, sinh năm 1975; trú tại: Thôn L, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Ninh, nói có chiếc xe trên muốn bán với giá 320 triệu đồng, hiện chưa có xe mà chỉ có giấy tờ; bị cáo yêu cầu anh H1 đặt trước 30 triệu đồng và hẹn ngày 09/02/2017 sẽ mang ô tô đến giao và làm hợp đồng mua bán xe. Anh H1 đã giao cho bị cáo 30 triệu đồng, bị cáo đã tiêu hết.

Cùng ngày 08/02/2017, bị cáo tiếp tục đến nhà ông Vũ Đình G để hỏi thuê xe ô tô trên; khi hỏi thuê bị cáo nói dối ông G là đi thử xe, nếu được thì sẽ mua; bị cáo nói như vậy nhằm mục đích để ông G tin và giao xe cho bị cáo. Sau khi nhận xe bị cáo không đem đến bán cho anh H1 vì sợ anh H1 sẽ trừ số tiền đặt cọc trước đó, nên bị cáo nhờ anh P giới thiệu người nhận cầm giấy tờ xe; anh P giới thiệu bị cáo đến nhà ông Nguyễn Văn L. Sau đó bị cáo cùng anh P đến nhà ông L bán xe ô tô. Trên đường đi bị cáo cho anh P xem giấy chứng nhận đăng ký xe và nói với anh P là bị cáo đã mua lại chiếc xe này của ông G. Đến nhà ông L, ông L kiểm tra xe và giấy tờ xe thấy mang tên của bị cáo nên ông L đồng ý mua với giá 300 triệu đồng. Nhưng do không có vợ bị cáo đi cùng nên ông L đưa trước cho bị cáo 150 triệu đồng; bị cáo để lại giấy tờ và cung cấp thông tin về nhân thân của vợ bị cáo để ông L soạn thảo trước hợp đồng mua bán. Đến sáng ngày 09/2/2017, bị cáo mang trả chiếc xe ô tô trên cho ông G. Khoảng 15 giờ cùng ngày, bị cáo cùng anh H và anh Đặng Xuân H2 (bạn của bị cáo), sinh năm 1996; trú tại: Thôn Đ, thị trấn T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh đi xe mô tô Honda SH150I của chị gái anh H2 đến đón bị cáo và anh H đến nhà ông G để thuê xe ô tô. Đến nhà ông G bị cáo làm thủ tục thuê chiếc xe trên, đặt cọc trước 01 triệu đồng và để lại chiếc xe máy của chị gái anh H2, đồng thời nhận chiếc xe ô tô trên. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, bị cáo đến đón vợ là chị Hà Thị T, sinh năm 1990 trú tại Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Ninh đến văn phòng công chứng M để ký hợp đồng mua bán xe ô tô; bị cáo giao xe và nhận tiền. Toàn bộ số tiền bán xe ô tô do bị cáo chi tiêu, trả nợ cá nhân và mua 02 chiếc điện thoại hết khoảng 40 triệu đồng; bị cáo cho anh H 01 điện thoại, bị cáo không đưa đồng nào cho vợ. Một thời gian sau do không có tiền tiêu nên bị cáo đã lấy lại chiếc điện thoại đã cho anh H về bán cho người không quen biết lấy tiền tiêu.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa, buộc tội bị cáo về tội đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 139, Điều 33, điểm p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 42 Bộ luật hình sự; khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự; các điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự xử phạt bị cáo Lê Quang C 07 đến 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam trong vụ án này 03/11/2017. Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho anh Nguyễn Văn L 300 triệu đồng. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhận tội, thừa nhận hành vi như Cáo trạng và Bản luận tội của Viện kiểm sát đã nêu; bị cáo không tham gia tranh luận với Viện kiểm sát mà xin giảm nhẹ hình phạt và đồng ý trả cho anh Nguyễn Văn L 300 triệu đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định, vật chứng thu được và các tài liệu chứng cứ khác có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 09/02/2017, bị cáo Lê Quang C đến nhà ông Vũ Đình G thuê chiếc xe ô tô Innova biển số 99A - 106.60, trị giá 273 triệu đồng của ông Vũ Đình G mang bán cho anh Nguyễn Văn L được 300 triệu đồng. Trước đó bị cáo đã đến nhà ông G thuê chiếc xe trên nhiều lần và có ý định gian dối, nhằm chiếm đoạt chiếc xe trên, nên những lần thuê đó bị cáo đã đi làm giả giấy tờ xe mang tên mình. Ngày 09/02/2017, bị cáo đã làm giả được giấy tờ xe, nên đã đến thuê xe của ông G để mang đi bán lấy tiền.

Hành vi của bị cáo Lê Quang C đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang trong nhân dân, xâm phạm đến quyền sử hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; trước khi phạm tội trong vụ án này bị cáo đã có ý định từ trước, qua mạng Internet bị cáo tìm được người làm giấy tờ xe giả, để thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản chiếm đoạt được. Sau khi làm giả được giấy chứng nhận đăng ký xe, bị cáo đã thực hiện hành vi lừa đảo để chiếm đoạt của anh Nguyễn Đức H1 30 triệu đồng. Hành vi bị cáo làm giả giấy tờ, tài liệu và chiếm đoạt tiền của anh H1 đã được tách ra khỏi tố, điều tra giải quyết bằng vụ án hình sự khác, sau khi phạm tội bị cáo bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra; qua đó thấy bị cáo là con người khó cải tạo giáo dục, nên có hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét thấy bị cáo không có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có thời gian phục vụ trong quân đội và tại phiên tòa người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Đối với hành vi làm giả giấy tờ xe cho bị cáo của Lương Văn C, Công an thị xã P, tỉnh Phú Thọ đã khởi tố, điều tra theo thẩm quyền; hành vi bị cáo chiếm đoạt tiền của anh Nguyễn Đức H1 đã được Cơ quan tiến hành tố tụng huyện L,

tỉnh Bắc Ninh khởi tố, điều tra, truy tố. Nên không xem xét xử lý đối với những hành vi trên trong vụ án này.

Ông Vũ Đình G và anh Vũ Đình B đã nhận lại chiếc xe ô tô do bị cáo chiếm đoạt và đều không yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi mua chiếc xe ô tô của bị cáo, ông Nguyễn Văn L đã bán lại cho anh Nguyễn Công H với giá 257 triệu đồng. Sau khi biết việc bị cáo phạm tội anh Nguyễn Công H đã giao nộp chiếc xe ô tô cho Cơ quan điều tra và ông Nguyễn Văn L đã trả cho anh Nguyễn Công H 257 triệu đồng; anh Nguyễn Công H không yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ông Nguyễn Văn L và anh Nguyễn Công H mua chiếc xe trên đều không biết nguồn gốc do bị cáo phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn L yêu cầu bị cáo có nghĩa vụ trả 300 triệu đồng tiền ông đã mua xe ô tô của bị cáo; tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý trả ông L số tiền trên; xét yêu cầu của ông L là có căn cứ và đúng pháp luật, nên buộc bị cáo có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền trên là phù hợp. Đối với số tiền 01 triệu đồng bị cáo đưa cho Trần Văn H để đưa cho ông Vũ Đình G khi thuê xe; tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu, đề nghị gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Phi H và anh Trần Văn P là người cùng bị cáo đi lấy giấy tờ xe giả; anh Nguyễn Phi H, anh Trần Văn P, anh Đặng Xuân H và anh Mai Văn Tuấn A là người cùng đi thuê xe với bị cáo nhưng những người này đều không biết mục đích của bị cáo thuê xe và làm giả giấy tờ để chiếm đoạt; sau khi bị cáo chiếm đoạt được xe bán lấy tiền những người này không được bị cáo chia đồng nào. Cơ quan điều tra đã điều tra, đối chất giữa những người này với bị cáo nhưng cũng không đủ căn cứ chứng minh những người có tên trên là đồng phạm với bị cáo, nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Công chứng viên Văn phòng công chứng M đã thực hiện việc công chứng hợp đồng mua bán xe ô tô cho bị cáo và ông Nguyễn Văn L, chị Hà Thị T là vợ bị cáo ký vào hợp đồng mua bán xe ô tô; nhưng đều không biết bị cáo có hành vi gian dối, làm giả giấy tờ xe để bán, nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Đối với hành vi bị cáo dùng giấy tờ giả bán chiếc xe ô tô trên cho ông Nguyễn Văn L, ông L và Công chứng viên không biết việc bị cáo dùng giấy tờ giả để bán chiếc xe trên, nên việc mua bán là ngay thẳng, nhưng theo quy định của pháp luật là bất hợp pháp. Do vậy, hợp đồng công chứng của Văn phòng công chứng M về việc mua chiếc xe ô tô trên không có hiệu lực thi hành.

Xử lý vật chứng:

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Lê Quang C, đã được Cơ quan có thẩm quyền xác định là giả và giấy chứng nhận này bị cáo dùng để tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có, nên tịch thu để lưu hồ sơ vụ án.

- Bị cáo dùng tiền do phạm tội mà có để mua 02 chiếc điện thoại Iphone và 01 điện thoại Nokia 1280 màu đen của bị cáo, 01 điện thoại OPPO của Trần Văn H; bị cáo và anh Trần Văn H đều đã bán cho người không quen biết, Cơ quan điều tra không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, loại INNOVA, biển số 99A - 106.60, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, 01 giấy chứng nhận đăng kiểm của chiếc xe trên, 01 Giấy chứng minh nhân dân số 125051801 mang tên Vũ Đình B; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Jupiter biển số 34L2-6876, 01 Chứng minh nhân dân số 125369207 mang tên Lê Quang C, 01 Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Lê Quang C; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 99K1-064.78 mang tên chị Hà Thị T, 01 giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của Lê Quang C và chị Hà Thị T. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp đối với các vật chứng nêu trên là phù hợp pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát buộc tội bị cáo về tội đã truy tố và đề nghị xử lý về trách nhiệm dân sự là phù hợp; nhưng về hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là hơi nhẹ so với hành vi của bị cáo.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Quang C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng:

- Điểm a khoản 3 Điều 139, Điều 33, điểm p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 41, Điều 42 Bộ luật hình sự;

- Điều 76, Điều 99, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Các điều 357, 468, 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử phạt bị cáo:

Lê Quang C 08 năm 06 tháng tù (Tám năm sáu tháng), thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam trong vụ án này là ngày 03/11/2017. Tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án.

Buộc bị cáo có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn L 300 triệu đồng.

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô có ghi số 010052, ngày 18/11/2015 mang tên Lê Quang C.

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 15.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong; bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Bắc Ninh;
- VKS huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Cán bộ thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Phong